

Bản án số 47/2020/HC-PT

Ngày 10-3-2020

V/v: khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;
Các Thẩm phán: bà Nguyễn Thị Thanh Xuân;
ông Nguyễn Xuân Phách.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: ông Lê Song Lê
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 232/2019/TLPT-HC ngày 25 tháng 7 năm 2019 về khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 26/2019/HC-ST ngày 26-4-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Y.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1416/2020/QĐ-PT ngày 25-02-2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Công ty cổ phần quy hoạch kiến trúc X (Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà X), địa chỉ: ô số 5, tầng 5, Tòa nhà D1 G, phường G, quận B, thành phố Y.

Người đại diện hợp pháp: ông Trần Văn Th sinh năm 1944 - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần quy hoạch kiến trúc X.

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Tạ Đức Nh sinh năm 1992, trú tại: phòng 501 - A1, ngõ 158 đường NKT, phường Q, quận C, thành phố Y, có mặt.

- Ông Nguyễn Anh D sinh năm 1980, trú tại: phòng 1 - B 6B tập thể TC, phường TC, quận B, thành phố Y, có mặt.

- Ông Nguyễn Khánh D sinh năm 1983, trú tại: khu tập thể Đài tiếng nói Việt Nam, số 128 C ĐL, quận H, thành phố Y, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:

Ông Trần Văn Đ - Luật sư Công ty luật TNHH TS, Đoàn Luật sư thành phố Y, có mặt.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Y.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Quốc H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tham gia tố tụng theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân UBND quận B, thành phố Y.

Người đại diện hợp pháp: Ông Tạ Nam Ch - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận tham gia tố tụng theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân quận B, thành phố Y, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Công ty cổ phần đầu tư phát triển N - H.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Kiên C - Tổng Giám đốc, có mặt.

- Ông Ngô Đức V và bà Nguyễn Thị H; trú tại số nhà 15, ngõ 423 đường A, phường P, quận T, thành phố Y. Ông V ủy quyền cho bà H tham gia tố tụng. Bà H có mặt.

- Ông Bùi Văn B và bà Đỗ Thị Ch; trú tại phòng số 1501 nhà D2 phường G, quận B, thành phố Y, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Công ty cổ phần đầu tư và phát triển nhà X (nay được đổi tên là Công ty cổ phần quy hoạch kiến trúc X, sau đây được viết tắt là Công ty X) được Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố Y giao làm chủ đầu tư, nghiên cứu lập dự án xây dựng mới nhà D2 G. Ngày 06-01-2010, Liên danh Sông Đà Thăng Long - X gồm Công ty cổ phần Sông Đà Thăng Long và Công ty cổ phần Đầu tư và phát triển nhà X ký Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/SĐTL-GB với ông Ngô Đức V đại diện cho các thành viên còn lại có quyền lợi tại căn hộ 301 nhà D2 G theo đó, vị trí căn hộ mới của ông Ngô Đức V sau khi xây lại được bố trí tại căn hộ số 1501 tầng 15, diện tích 84,5 m².

Ngày 04-7-2011, UBND quận B ban hành Quyết định số 1815/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ di dời, tạm cư và tái định cư trở lại đối với hộ gia đình ông V, bà H kèm phương án chi tiết, theo đó gia đình ông V, bà H được tái định cư tại căn hộ 701.

Không đồng ý với quyết định trên, ông V, bà H có đơn khiếu nại đề nghị được tái định cư tại phòng 1501 và được hỗ trợ tạm cư từ tháng 9/2014 đến thời điểm nhận thông báo nhận căn hộ 1501 nhà D2 mới. Ngày 31-3-2016, Chủ tịch

UBND quận B ban hành Quyết định số 539/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H với nội dung Điều chỉnh Điều 1 Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 04-7-2011 của UBND quận B cụ thể: tái định cư hộ gia đình ông V, bà H tại phòng 1501 nhà D2.

Ông V, bà H tiếp tục khiếu nại đề nghị nêu rõ thời gian bàn giao căn hộ và được hỗ trợ tạm cư từ tháng 9/2014 đến thời điểm nhận thông báo nhận căn hộ 1501 nhà D2 mới. Ngày 27-9-2016, Chủ tịch UBND thành phố Y ban hành Quyết định số 5354/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Ngô Đức V, bà Nguyễn Thị H với nội dung khiếu nại là có căn cứ; yêu cầu chủ đầu tư bàn giao căn hộ tái định cư mới và chi trả tiền hỗ trợ tạm cư cho hộ gia đình ông V theo quy định của pháp luật.

Theo Công ty X trình bày: ngày 05-5-2017, Công ty X khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 31-3-2016 của Chủ tịch UBND quận B và Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 27-9-2016 của Chủ tịch UBND thành phố Y với những căn cứ sau:

Theo quy định tại Điều 9 Luật khiếu nại 2011, khiếu nại của ông V và bà H đã hết thời hiệu khiếu nại. Ngày 14-7-2011, Công ty X đã ký Biên bản bàn giao hồ sơ cho bà H trong đó có Quyết định số 1815. Ông V, bà H không đủ căn cứ để thuộc trường hợp người khiếu nại không thực hiện được quyền khiếu nại theo đúng thời hiệu vì ốm đau, thiên tai, dịch họa, đi công tác, học tập ở nơi xa hoặc vì những trở ngại khách quan khác.

Hợp đồng kinh tế ký giữa Công ty X với gia đình ông V khi chưa có quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền. Do vậy, những thỏa thuận giữa các bên chỉ mang tính dự kiến để trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Sau khi ký kết hợp đồng với các chủ căn hộ cũ của nhà D2 G, UBND quận B đã ban hành Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 04-7-2011 phê duyệt tái định cư theo nguyên tắc tầng 2 tái định cư tại tầng 6, tầng 3 tái định cư tại tầng 7.

Sau khi UBND quận B ban hành Quyết định số 1815, Công ty X đã bán căn hộ 1501 cho người khác. Chủ tịch UBND quận B và Chủ tịch UBND thành phố buộc Công ty X phải thực hiện tái định cư cho hộ gia đình bà H tại căn hộ 1501 và trả tiền hỗ trợ tạm cư từ tháng 9/2014 cho đến khi gia đình bà H nhận nhà là gây khó cho doanh nghiệp.

Theo người bị kiện là Chủ tịch UBND thành phố Y trình bày tại văn bản ngày 13-12-2017 và văn bản số 4121/TTTP-P6 ngày 13-11-2017:

Trong Quyết định số 1815/QĐ-UBND kèm theo phương án chi tiết về việc phê duyệt phương án hỗ trợ di dời, tạm cư và tái định cư trở lại đối với hộ gia đình ông Ngô Đức V và bà Nguyễn Thị H quyết định: ngoài các khoản kinh phí hỗ trợ theo chính sách đã được UBND thành phố Y chấp thuận và được phê duyệt tại quyết định này của UBND quận B, các khoản kinh phí hỗ trợ khác do Liên danh và hộ gia đình ký thỏa thuận tại Hợp đồng số 01 ngày 06-01-2010. Liên danh cùng hộ gia đình ông Ngô Đức V và bà Nguyễn Thị H có trách nhiệm thực hiện theo đúng Hợp đồng đã ký.

Tại buổi làm việc với Thanh tra quận ngày 13-8-2015, ông Nguyễn Văn Quang - Phó Tổng giám đốc Công ty X đã thừa nhận việc nhầm lẫn trong việc bố trí căn hộ tái định cư khi trình phương án. Như vậy, Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 04-7-2011 là chưa đúng với thỏa thuận tại Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/SĐTL-GB lập ngày 06-01-2010 và chính sách tái định cư đã được UBND thành phố Y chấp thuận tại văn bản số 9970/UBND-TNMT ngày 09-12-2010. Khiếu nại của bà Nguyễn Thị H là có cơ sở.

Ngày 01-11-2014 và ngày 15-11-2014, Công ty X đã có 02 Thông báo số 2556/PTDA-GB và số 2717/PTDA-GB về việc bàn giao căn hộ tái định cư D2 gửi ông Ngô Đức V, trong thông báo không nêu rõ số căn hộ bàn giao, không có địa chỉ người nhận. Công ty X không có biên bản về việc giao nhận 02 Thông báo nêu trên. Công ty X cho biết: Công ty X không có thông báo thời gian bàn giao căn hộ 1501 cho bà H do Công ty X thực hiện theo Phương án đã phê duyệt tại Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 04-7-2011 của UBND quận B.

Do UBND quận B phê duyệt phương án có sự nhầm lẫn về căn hộ tái định cư từ phòng số 1501 theo thỏa thuận tại hợp đồng thành căn hộ số 701 dẫn đến UBND quận B phải điều chỉnh phương án tái định cư. Đến nay, bà H chưa nhận được thông báo nhận phòng 1501. Ngày 13-7-2016, làm việc với Thanh tra thành phố, Công ty X cho biết căn hộ số 1501 hiện đã bán cho chủ khác từ ngày 04-4-2014 và chưa được cấp Giấy chứng nhận, Công ty X đã thanh toán tiền tạm cư cho gia đình bà H từ khi ký hợp đồng, bàn giao căn hộ GPMB đến tháng 9/2014. Do đó, nội dung bà H khiếu nại đề nghị được nêu rõ thời hạn nhận căn hộ 1501 và hỗ trợ tạm cư từ tháng 9/2014 đến thời điểm nhận được thông báo nhận căn hộ 1501 là có cơ sở.

Theo lời khai của người bị kiện là Chủ tịch UBND quận B trình bày:

Theo Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/SĐTL-GB ngày 06-01-2010 của Liên danh, căn hộ số 301 của hộ gia đình ông Ngô Đức V và bà Nguyễn Thị H và được bố trí tái định cư tại căn hộ số 1501 nhưng do sơ suất khi chủ đầu tư trình các phòng ban chuyên môn quận thẩm định phương án để phê duyệt phương án di dời tạm cư và tái định cư trở lại đối với hộ gia đình ông V, bà H được bố trí tái định cư tại căn hộ 1501 tầng 15 nhầm sang căn hộ số 701. Sau khi bà H có đơn khiếu nại, ngày 31-3-2016, Chủ tịch UBND quận B ban hành Quyết định số 539/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H, trong đó, hộ gia đình ông Ngô Đức V và bà Nguyễn Thị H được bố trí tái định cư tại căn hộ số 1501 theo đúng với Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/SĐTL-GB ngày 06-01-2010. Tuy nhiên, Công ty X không đồng ý với Quyết định giải quyết khiếu nại của UBND quận B với lý do căn hộ số 1501 đã bán cho chủ sử dụng khác. Ngày 27/9/2016, chủ tịch UBND thành phố Y ban hành Quyết định số 5354/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Ngô Đức V và bà Nguyễn Thị H trong đó yêu cầu Công ty X bàn giao căn hộ 1501 và chi trả tiền hỗ trợ tạm cư cho gia đình ông V, bà H theo đúng quy định.

Như vậy, Chủ tịch UBND quận B đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại đối với hộ gia đình ông V, bà H theo đúng trình tự giải quyết khiếu

nại.

Theo lời khai của ông Ngô Đức V, bà Nguyễn Thị H: bà H đã bàn giao nhà cho Công ty X ngay sau khi ký Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/SĐTL-GB và chuyển đi nơi khác ở nên bà H không nhận được và không biết gì về dự thảo phương án. Ngày 14-7-2011, sau khi ký biên bản bàn giao phương án bà phát hiện phương án phê duyệt bị sai lệch số tầng nên đã đề nghị chủ đầu tư sửa lại phương án, chủ đầu tư nhận là lỗi đánh máy và có hứa sẽ sửa lại phương án cho bà H, thực tế chủ đầu tư đã không giao hồ sơ cho bà H như theo biên bản đã ký mà mang về để tiến hành sửa lại phương án theo hợp đồng đã thỏa thuận, nhưng đến nay phương án vẫn chưa được sửa. Từ tháng 7/2011 đến tháng 5/2015, do bị bệnh ung thư tuyến giáp phải xạ trị nhiều lần (có xác nhận chi trả viện phí của cơ quan UNDP nơi ông V chồng bà H công tác) và do tin tưởng vào hợp đồng thỏa thuận đã ký, cùng với Công ty X đã hứa chỉnh sửa phương án nên bà H không khiếu nại. Thời điểm ngày 29-5-2015, do biết thông tin một số hộ dân đã nhận nhà để ở nên bà H đến văn phòng của chủ đầu tư tại nhà D2 G để hỏi nhận nhà tái định cư thì Công ty X vẫn chuyển cho bà H quyết định và phương án phê duyệt cũ, chưa sửa lại số tầng theo đề nghị của bà H. Ngày 18-6-2015, bà H có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND quận B.

Quyết định 5354/QĐ-UBND ngày 27-9-2016 của Chủ tịch UBND thành phố Y đã giải quyết khiếu nại đúng với phương án phê duyệt tại văn bản số 9970/UBND-TNMT ngày 09-12-2010, phù hợp quy định tại Điều 2 phần I Nghị định số 34/2007/NĐ-CP ngày 03-7-2017. Việc Công ty X cố tình bố trí gia đình bà từ diện tái định cư trong phạm vi dự án D2 đã được phê duyệt, điều chỉnh theo sự chấp thuận của UBND thành phố tại Quyết định số 48/QĐ-UBND và Văn bản số 9970 từ phòng 1501 - thuộc phạm vi các hộ nhận nhà tái định cư được bố trí từ tầng 14 đến tầng 18 - xuống phòng 701 - không phải là nơi bố trí tái định cư là hoàn toàn đi ngược lại chính sách và chủ trương của chính phủ và thành phố, không tuân thủ hợp đồng kinh tế đã ký với gia đình bà. Hành vi của Công ty X khởi kiện vụ án hành chính là nhằm dây dưa, trốn tránh nghĩa vụ khi ngang nhiên bán căn hộ 1501 cho người khác sau khi nhà D2 hoàn thành.

Theo lời khai của ông Bùi Văn B, bà Đỗ Thị Ch: ông, bà là người đang sinh sống tại căn hộ 1501, đã nhập hộ khẩu về đây và không biết gì về sự tranh chấp giữa Công ty X và gia đình bà H. Ông, bà đề nghị Tòa án giải quyết công minh để gia đình yên tâm sinh sống.

Đại diện Công ty cổ phần đầu tư phát triển Nhà N - H trình bày: ngày 28-12-2012, Công ty cổ phần S - T đã chuyển nhượng vốn góp trong Liên danh cho Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà N - H nên Công ty cổ phần đầu tư phát triển nhà N - H (sau đây viết tắt là Công ty N - H) kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Công ty cổ phần S - T trong Liên danh theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 18/2012/CNVG ngày 28-12-2012.

Tại Bản án số 26/2019/HC-ST ngày 26-4-2019, Tòa án nhân dân thành phố Y đã căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 3 Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính 2011; Luật khiếu nại

2011; Luật đất đai 2003; Quy chế cải tạo, xây dựng lại các chung cư cũ bị hư hỏng, xuống cấp trên địa bàn thành phố Y ban hành theo Quyết định số 48/2008/QĐ-UBND ngày 28-7-2008 của UBND thành phố Y; quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần Quy hoạch kiến trúc X đối với Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 31-3-2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H và Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 27-9-2016 của Chủ tịch UBND thành phố Y về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Ngô Đức V, bà Nguyễn Thị H ở phòng 301 nhà D2 tập thể G, quận B (lần 2).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10-5-2019, đại diện Công ty X có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm, bảo đảm quyền lợi cho Công ty, với lý do: ngày 14-7-2011, bà H đã được giao, được biết Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 04-7-2011 của UBND quận B và phương án bồi thường, tái định cư. Mặc dù không đồng ý nhưng bà H không thực hiện việc khiếu nại theo quy định, đến ngày 18-6-2015, bà H có đơn khiếu nại quyết định nêu trên thì thời hiệu khiếu nại đã hết. Ngoài ra, trong thời gian này chồng bà H là thành viên gia đình cũng không có đơn khiếu nại. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H giao nộp một số tài liệu bằng tiếng nước ngoài thể hiện trong thời gian dài phải điều trị ung thư tuyến giáp tại nước ngoài là trở ngại khách quan không thực hiện được việc khiếu nại, nhưng các tài liệu này chưa được dịch ra tiếng Việt, không có công chứng, chứng thực theo quy định nên không bảo đảm tính xác thực.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện và Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo nêu trên.

Người có quyền lợi liên quan là bà Nguyễn Thị H đề nghị giữ nguyên quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các đương sự. Ngoài ra, bà H còn giao nộp các tài liệu bằng tiếng nước ngoài đã được dịch sang tiếng Việt, đã được công chứng, chứng thực. Theo bà H khai đây là các tài liệu thể hiện việc bà phải điều trị ung thư tuyến giáp tại nước ngoài trong thời gian dài.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa có ý kiến, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của Công ty X là đúng. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về thẩm quyền và thời hiệu khởi kiện

Đối tượng khởi kiện trong vụ án là Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 31-3-2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H và Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 27-9-2016 của Chủ tịch UBND thành phố Y về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Ngô Đức V, bà Nguyễn Thị H (lần 2); đây là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai liên quan đến quyền lợi của Công ty X. Không đồng ý với các quyết định nêu trên, ngày 05-5-2017, Công ty X có đơn khởi kiện vụ án hành chính là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định. Tòa án nhân dân thành phố Y thụ lý giải quyết là đúng.

[2]. Về tính hợp pháp của các quyết định bị khiếu kiện (các quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 31-3-2016 của Chủ tịch UBND quận B và số 5354/QĐ-UBND ngày 27-9-2016 của Chủ tịch UBND thành phố Y).

- Về nội dung

Theo thỏa thuận giữa liên danh Sông Đà Thăng Long - X và gia đình ông Ngô Đức V, bà Nguyễn Thị H tại Hợp đồng kinh tế số 01/HĐKT/SĐTL-GB ngày 06-01-2010, thì căn hộ tái định cư mới là căn hộ 1501 tại tầng 15, sau khi xây dựng lại nhà D2 G. Thỏa thuận của các bên phù hợp với chính sách tái định cư tại Tờ trình số 553/TTr-BCĐ (NV1) ngày 02-8-2010 của Ban chỉ đạo giải phóng mặt bằng thành phố đã được UBND thành phố Y chấp thuận tại văn bản số 9970/UBND-TNMT ngày 09-12-2010, trong đó có nội dung: việc bố trí tái định cư trở lại cho các hộ được bố trí chủ yếu từ tầng 14 đến tầng 18 của nhà D2 sau khi xây dựng mới, theo thỏa thuận của chủ đầu tư với các hộ dân; việc bố trí tái định cư tại các tầng theo phương án tịnh tiến tầng.

Mặc dù, tại phương án chi tiết hỗ trợ di dời, tái định cư ngày 09-6-2011 của Hội đồng bồi thường hỗ trợ di dời, tái định cư đã căn cứ vào hợp đồng giữa gia đình bà H với liên danh và các văn bản pháp lý nêu trên của UBND thành phố nhưng lại tái định cư hộ gia đình bà H tại tầng 7-P701 nhà chung cư D2 G mới là không đúng với thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng và chính sách tái định cư của UBND thành phố Y. Tại Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 04-7-2011, UBND quận B đã phê duyệt phương án tái định cư nêu trên và quyết định tái định cư hộ gia đình bà H tại tầng 7-P 701 nhà chung cư D2 G mới sau khi xây dựng xong là không có căn cứ; không bảo đảm quyền lợi hợp pháp của gia đình bà H; do đó, tại Quyết định số 539/QĐ-UBND ngày 31-3-2016, Chủ tịch UBND quận B đã điều chỉnh quyết định bị khiếu nại, trong đó tái định cư hộ gia đình bà H tại tầng 15 - Phòng 1501 nhà chung cư D2 G mới là đúng pháp luật.

Tuy nhiên, quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên chưa xác định thời hạn bà H được nhận căn hộ P 1501 theo quy định. Ngoài ra, do việc tái định cư trước đây không đúng, Công ty X là chủ đầu tư chỉ quyết định thanh toán tiền hỗ trợ tạm cư cho gia đình bà H đến thời điểm có thông báo bàn giao căn hộ 701 (tháng 9/2014) là không phù hợp với chính sách được chấp thuận tại văn bản số 9970/UBND-TNMT ngày 09-12-2010 của UBND thành phố Y; do đó, tại Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 27-9-2016 về việc giải quyết khiếu nại của ông V, bà H (lần 2), Chủ tịch UBND thành phố Y đã yêu cầu chủ đầu tư (Công ty X)

bàn giao căn hộ tái định cư mới và chi trả tiền hỗ trợ tạm cư cho hộ gia đình ông V, bà H theo quy định của pháp luật là có căn cứ.

- Về thẩm quyền và trình tự thủ tục ban hành quyết định

Ngày 04-7-2011, UBND quận B ban hành Quyết định số 1815/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án hỗ trợ, di dời và tái định cư đối với hộ bà H thuộc dự án xây dựng nhà tập thể D2 G. Không đồng ý với quyết định này, ngày 18-6-2015, bà H có đơn khiếu nại. Ngày 31-3-2016, Chủ tịch UBND quận B đã ban hành Quyết định số 539/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà H; sau đó, bà H tiếp tục khiếu nại đề nghị xác định thời gian bàn giao căn hộ mới và hỗ trợ tạm cư theo quy định. Ngày 27-9-2016, Chủ tịch UBND thành phố Y ban hành Quyết định số 5354/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông V, bà H (lần 2). Như vậy, việc Chủ tịch UBND quận B và Chủ tịch UBND thành phố Y giải quyết khiếu nại của bà H là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- Về thời hiệu giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND quận B

Kháng cáo của người khởi kiện liên quan đến việc xác định thời hiệu khiếu nại, trong đó Công ty X cho rằng trong trường hợp này việc Chủ tịch UBND quận B thụ lý giải quyết khiếu nại của bà H là không đúng, vì thời hiệu khiếu nại đã hết mà không có lý do chính đáng. Trong khi đó, bà Nguyễn Thị H trình bày: thực hiện thỏa thuận theo hợp đồng đã ký kết, bà đã giao chìa khóa, bàn giao căn hộ cho chủ đầu tư ngay khi ký hợp đồng. Thời điểm niêm yết công khai dự thảo phương án hỗ trợ di dời, tạm cư và tái định cư từ ngày 07-3-2011 đến ngày 02-4-2011, bà đã chuyển đi nơi ở khác, chủ đầu tư và tổ công tác giải phóng mặt bằng không liên hệ chuyển dự thảo nên bà không biết nội dung phương án tái định cư đối với gia đình. Ngày 14-7-2011, sau khi UBND quận B có Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 04-7-2011 phê duyệt phương án bồi thường đối với gia đình bà, chủ đầu tư có lập Biên bản bàn giao hồ sơ với bà, trong đó có nội dung: “bàn giao 01 bản Quyết định 1815/QĐ-UBND ngày 04-7-2011, 01 bản phương án chi tiết hỗ trợ di dời, tạm cư và tái định cư ...”. Tuy nhiên, ngay sau khi ký biên bản, phát hiện phương án phê duyệt bị sai lệch số tầng nên bà đã đề nghị chủ đầu tư sửa lại phương án, đại diện chủ đầu tư nhận do lỗi đánh máy và cam kết sửa lại phương án tái định cư theo yêu cầu của bà, thực tế chủ đầu tư đã không giao hồ sơ cho bà mà mang về để sửa lại (phù hợp với việc sau đó Công ty X thông báo là không đổi căn hộ 1501 cho bà H tại văn bản số 370/PTDA-GB ngày 26-02-2014 của Công ty X); ngoài ra, từ tháng 4 năm 2011 đến tháng 5 năm 2015, do bị bệnh ung thư tuyến giáp bà phải đi chữa bệnh ở nước ngoài nhiều lần; có xác nhận chi trả bảo hiểm y tế ngày 06-01-2020 của cơ quan UNDP nơi ông V chồng bà công tác (phù hợp với Hộ chiếu xuất nhập cảnh của bà H) và do tin tưởng vào hợp đồng đã ký, và việc chủ đầu tư cam kết chỉnh sửa lại phương án nên trong giai đoạn này bà đã không khiếu nại; đến thời điểm vào ngày 29-5-2015, do biết thông tin một số hộ dân đã nhận nhà tái định cư, bà đến liên hệ nhận nhà thì chủ đầu tư vẫn chuyển cho bà quyết định và phương án phê duyệt cũ, không sửa lại căn hộ nên ngày 18-6-2015, bà có đơn khiếu nại Quyết

định số 1815/QĐ-UBND ngày 04-7-2011 của Chủ tịch UBND quận B.

Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, bà H đã giao nộp một số tài liệu bằng tiếng nước ngoài đã được dịch sang tiếng Việt, có công chứng, chứng thực vào ngày 13-01-2020 của Văn phòng công chứng R, quận H, thành phố Y thể hiện nội dung từ tháng 4 năm 2011 đến tháng 5 năm 2015, bà H nhiều lần điều trị bệnh ung thư tuyến giáp tại các nước Thái Lan, Hàn Quốc.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định mặc dù ngày 14-7-2011, bà H đã biết Quyết định số 1815/QĐ-UBND ngày 04-7-2011 của UBND quận B phê duyệt phương án tái định cư xâm phạm quyền lợi của gia đình bà nhưng bà không thực hiện việc khiếu nại theo đúng thời hiệu vì ốm đau và tin tưởng việc chủ đầu tư cam kết sửa lại phương án tái định cư cho bà; đây là các trở ngại khách quan ảnh hưởng đến việc thực hiện quyền khiếu nại theo quy định của pháp luật; vì thế, Chủ tịch UBND quận B đã thụ lý giải quyết khiếu nại của bà H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật khiếu nại.

Ngoài ra, bà H là đại diện gia đình thực hiện công việc liên quan đến bồi thường hỗ trợ, tái định cư và giao nhận hồ sơ quyết định, phương án bồi thường với chủ đầu tư nên việc chồng bà H là ông V không khiếu nại không ảnh hưởng đến việc xem xét thời hạn khiếu nại của bà H như nội dung đề cập trong kháng cáo của Công ty X.

Với các lý do trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty X là đúng. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

[3]. Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty X phải nộp án án phí phúc thẩm theo quy định.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; bác kháng cáo của Công ty cổ phần quy hoạch kiến trúc X và giữ nguyên quyết định của Bản án số 26/2019/HC-ST ngày 26-4-2019 của Tòa án nhân dân thành phố Y.

2. Công ty X phải nộp 300.000 đồng án phí phúc thẩm. Xác nhận Công ty đã nộp số tiền này (do bà Lê Thị Th nộp thay) vào ngày 03-7-2019 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Y.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tp. Hà Nội;
- VKSND tp. Hà Nội;
- Cục THA dân sự tp. Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu: HSVA, PHCTP.

Nguyễn Tất Nam

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Nam

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Nam

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Cục THA dân sự tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tất Nam

